

Thị trường theo cách tiếp cận Neo-classical economics

- có một số lượng đủ lớn người mua và người bán
 - họ biết những gì họ muốn
 - người mua có khả năng chi trả
 - người mua và bán hoạt động độc lập với nhau
 - họ được tự do gia nhập và rút khỏi.
 - thông tin về sản phẩm và giá cả là miễn phí và dễ tiếp cận
 - không có chi phí trong việc giao dịch

Thị trường theo trường phái Áo

- Thị trường là cơ chế phối hợp tốt nhất vì nó phản ánh bản chất của trật tự xã hội, đó là sự phát sinh tự nhiên các hoạt động ngoài kế hoạch, nhưng có mục đích của con người (Hayek).
 - Các điều kiện quan trọng nhất để đảm bảo thị trường thành công là quyền tự do ra nhập và rút khỏi thị trường,
- Thị trường cho phép và thậm chí thúc đẩy sự lựa chọn và tự do cá nhân

Nguyên nhân thất bại TT:

- Vi mô:

- + Giả định về cạnh tranh hoàn hảo là thiếu thực tế.

- + Thị trường thực tế khó có thể hoàn hảo :

- độc quyền

- ngoại ứng và sự tồn tại hàng hóa công cộng

- thiếu hụt của một số thị trường giao ngay và thông tin bất đối xứng...

- + vấn đề công bằng xã hội

- Vĩ mô: sự yếu kém trong nội bộ của khu vực tài chính, tính cứng nhắc và thiếu nhất quán của các chính sách vĩ mô trong quá trình tự do hóa và mở cửa hội nhập với thế giới.

Thị trường theo kinh tế thể chế

- thị trường như là một tập hợp các thể chế xã hội, trong đó thường xuyên diễn ra sự trao đổi một số lượng lớn hàng hoá theo những loại hình cụ thể
- Các thỏa thuận hợp đồng, trao đổi quyền sở hữu và thị trường là các cấu phần quan trọng của thể chế thị trường nhằm tổ chức, cơ cấu và đảm bảo tính hợp pháp cho các giao dịch.
- Là một tập hợp các thể chế, thị trường áp đặt các ràng buộc và ưu đãi cho các chủ thể tham gia thị trường. Do đó, khái niệm "thị trường tự do" là rất không phù hợp.
- Thông qua hoạt động của các quy ước trong thị trường, các cá nhân bị “cưỡng chế” phải theo một số hành vi ứng xử nhất định, do vậy không hoàn toàn là sự “tự do lựa chọn” của các cá nhân.

Cần các thể chế tạo thị trường

- Xác lập và thực thi quyền sở hữu, hợp đồng (hệ thống pháp luật, tư pháp, các thể chế hòa giải tranh chấp)
- Tạo và phân phối thông tin về thị trường, hàng hóa và đối tượng tham gia (tiêu chuẩn kế toán, cơ quan tín dụng, qui định ngân hàng, các tiêu chuẩn đo lường, thực phẩm...)
- Tăng cạnh tranh (luật cạnh tranh, luật chống tham nhũng, bảo vệ bình đẳng)
 - Các thể chế này làm giảm chi phí giao dịch cho người tham gia thị trường: Institutions affect the performance of the economy by their effect on the costs of exchange and production. Together with the technology employed, they determine the transaction and transformation (production) costs that make up total costs. (North 1990 p. 6).

Thẻ chế hỗ trợ thị trường hoạt động mở rộng và hiệu quả.

Thẻ chế quản lý rủi ro giao dịch thị trường, nâng cao hiệu quả và khả năng sinh lời thông qua 3 kênh chính:

- ❖ Truyền dẫn thông tin về các điều kiện thị trường, hàng hóa và các bên tham gia
- ❖ Xác định và thực thi quyền sở hữu cũng như các hợp đồng
- ❖ Tăng áp lực cạnh tranh trên thị trường.

Thẻ chế hỗ trợ tăng trưởng

- ❖ Tạo dựng những kích thích kinh tế cho các bên tham gia thị trường và tác động đến sự phân phối tài sản, thu nhập, chi phí.
- ❖ Thúc đẩy việc xử lý công nghệ mới
- ❖ Tăng năng suất và nhịp độ tăng trưởng kinh tế bằng tác động ảnh hưởng đến mức đầu tư, và xác định rõ quyền sở hữu.

Nhóm biến	Các biến
Nhóm biến ngoại sinh Các điều kiện ban đầu Dân số Các cú sốc từ bên ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Thu nhập , tuổi thọ và vốn con người ban đầu - Tỷ lệ người phụ thuộc trong gia đình, nhịp độ tăng lực lượng lao động - Điều kiện thương mại, mức tang trưởng của các đối tác thương mại
Nhóm biến đầu vào	<ul style="list-style-type: none"> - Vốn vật chất, vốn con người
Nhóm biến chính sách Chính sách vĩ mô Độ mở cửa	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ lạm phát, chênh lệch tỷ giá thị trường chợ đen, mức đánh giá quá cao của đồng bản tệ, nợ nước ngoài, độ sâu tài chính - Thương mại/GDP, độ mở cửa theo Sachs và Warner
Nhóm biến thể chế Chỉ số tham nhũng chính phủ Chỉ số chất lượng bộ máy công quyền Chỉ số khung pháp lý Chỉ số rủi ro bị từ bỏ hợp đồng Chỉ số rủi ro bị chiếm đoạt	<ul style="list-style-type: none"> - Thang đo: 0-6 (càng thấp tham nhũng càng cao) - Thang đo: 0-6 (càng thấp chất lượng càng thấp) - Thang đo: 0-6 (càng thấp đánh giá càng thấp) - Thang đo: 0-10 (càng thấp rủi ro càng cao) - Thang đo: 0-10 (càng thấp rủi ro càng cao)

Thẻ chế tốt làm giảm chi phí giao dịch

- Sự thực thi hiệu quả hợp đồng sẽ giảm tính bất trắc và chi phí pháp lý
- Tòa thụ lý phá sản giúp các chủ nợ dễ thanh lý tài sản thế chấp, kết quả có nhiều tín dụng hiệu hữu hơn cho người vay tốt
- Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm làm giảm sự bất an và vấn đề thông tin bất cân xứng
- Tăng khả năng cạnh tranh lành mạnh của thị trường: giúp loại bỏ các thủ đoạn làm ăn bất chính hoặc triệt hạ đối thủ, giảm các chi phí ngầm

Các hệ quả của việc tồn tại thể chế bất hợp lý?



Thẻ chế hỗ trợ giảm đói nghèo

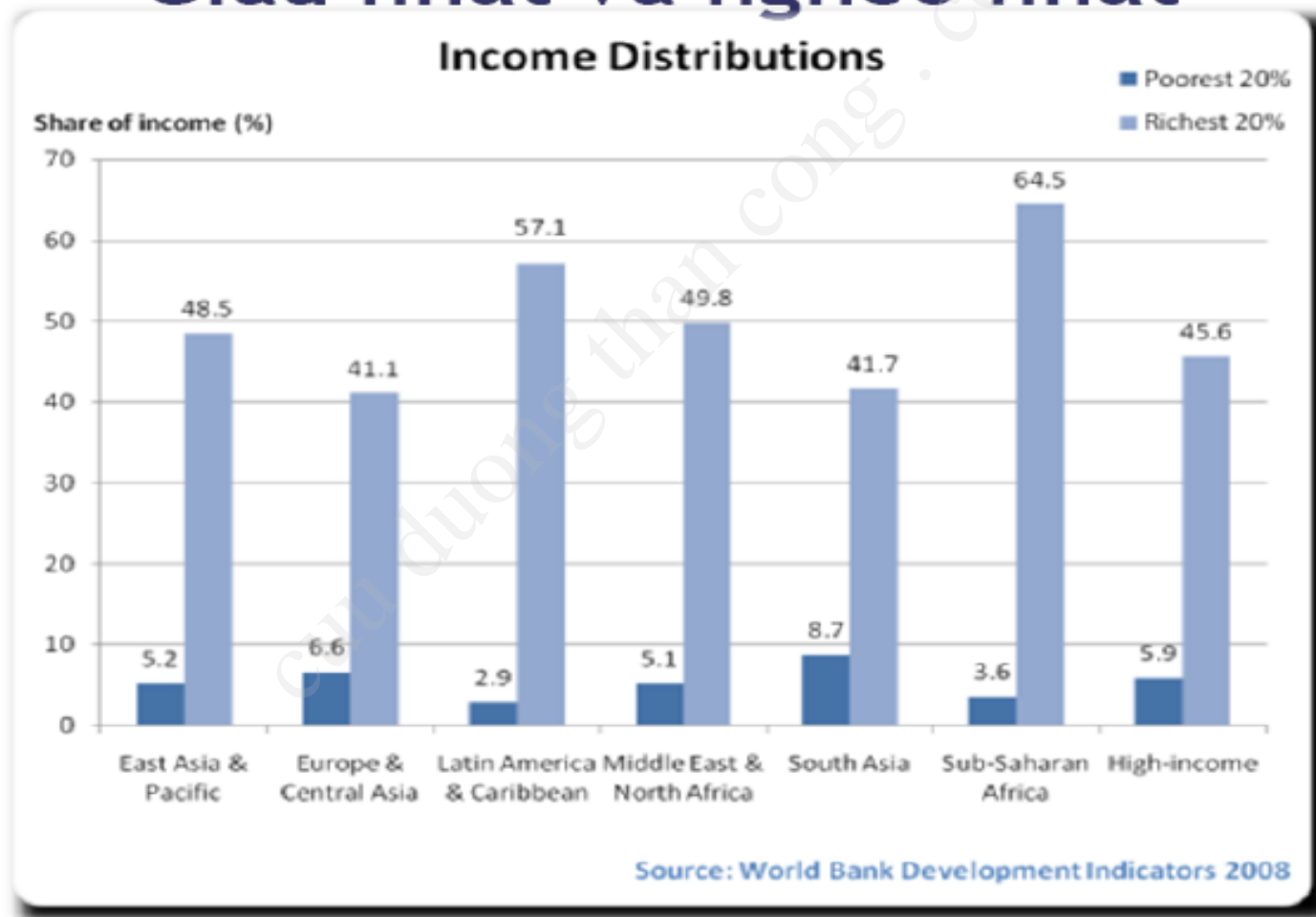


The PHOTO in the mail is the "Pulitzer prize" winning photo taken in 1994 during the Sudan famine. The picture depicts a famine stricken child crawling towards an United Nations food camp, located a kilometer away.

>The vulture is waiting for the child to die so that it can eat it. This picture shocked the whole world. No one knows what happened to the child, including the photographer Kevin Carter who left the place as soon as the photograph was taken.

Thế chế hỗ trợ giảm đói nghèo

Giàu nhất và nghèo nhất



Thất bại của thị trường và chính phủ

- Không có cơ chế tự động đảm bảo thị trường sẽ tạo nên những thể chế cần thiết
- Thị trường phụ thuộc nhiều vào vai trò của chính phủ trong việc tạo ra những thể chế hình thành thị trường
- Thị trường và chính phủ thất bại có khuynh hướng cùng nhau và đặc biệt rõ ở các nước đang phát triển (Pincus)

Mô hình thể chế kinh tế

- *Mô hình thể chế kinh tế thị trường tự do (tiêu biểu là nền kinh tế thị trường của Mỹ, Anh, Ôx-trây-li-a,...).*
- *Mô hình thể chế kinh tế thị trường xã hội (tiêu biểu là Đức, Thụy Điển và các nước Bắc Âu khác).*
- *Mô hình thể chế kinh tế của nhà nước phát triển (tiêu biểu là nền kinh tế Pháp, Nhật Bản).*

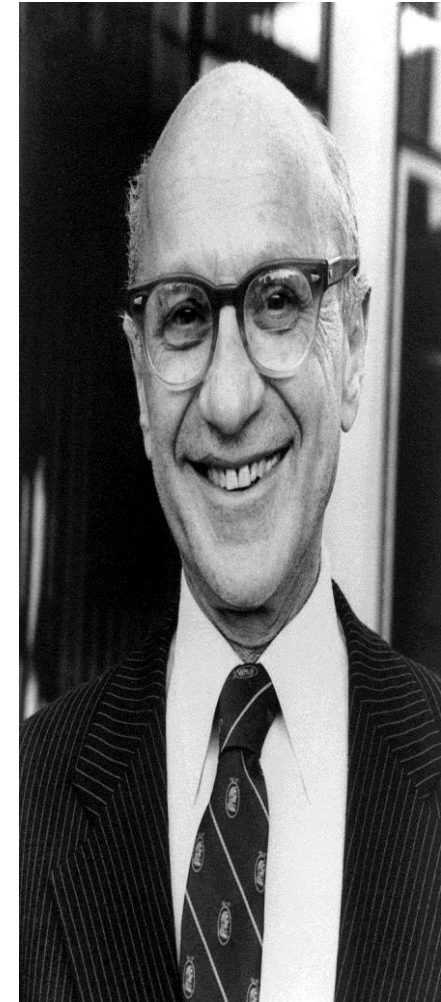
Đặc điểm của mô hình thể chế kinh tế thị trường tự do

- Có một cơ chế thị trường tự do thuần khiết hơn so với các nền kinh tế khác.
- Các giao dịch kinh tế đều được giải quyết thông qua thị trường là chính, còn sự can thiệp của nhà nước rất hạn hữu. Do đó, mọi sự bất cập và thất bại của nền kinh tế đều do nguyên nhân chủ yếu từ sự trục trặc hay sự phát triển thiếu đồng bộ của thị trường.
- Trong mô hình này, thị trường lao động có tính linh hoạt cao và các luật lệ về thị trường lao động đều thiên về bảo hộ người chủ tư bản hơn là người lao động làm thuê.

Lịch sử hình thành

Mô hình thể chế kinh tế thị trường tự do đã xuất hiện từ rất sớm (thế kỷ XVII, XVIII) với nền tảng tư tưởng là các lý thuyết kinh tế cổ điển.

Sau cuộc cách mạng công nghiệp nước Anh (giữa thế kỷ XIX) nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát



ĐẶC TRƯNG

Tác nhân kinh tế chủ yếu quan hệ, tác động lẫn nhau thông qua cơ chế thị trường.

Hầu hết mọi thất bại của nền kinh tế đều quy về nguyên nhân thiếu hụt, chưa phát triển hoàn hảo của các thị trường chứ không phải là do yếu kém về bản chất cơ chế thị trường.



ĐẶC TRƯNG

Chính sách kinh tế chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của học thuyết kinh tế tân tự do với 4 trụ cột chính là

- ✓ *Lợi ích cá nhân*
- ✓ *Cạnh tranh thị trường*
- ✓ *Quyền sở hữu tư nhân*
- ✓ *Sự tự do, dân chủ theo kiểu phương Tây*



ĐẶC TRƯNG



Các thị trường chứng khoán luôn giữ vai trò rất quan trọng:

- ✓ *Ngân hàng chủ yếu cung cấp những khoản tín dụng dài hạn và ít có vai trò quản lý công ty*
- ✓ *Sở hữu tập thể thông qua cổ phiếu xuất hiện rộng khắp*

Thị trường lao động được tự do hóa và có tính linh hoạt cao.



Một số tiêu chí về cách thức tổ chức nền kinh tế

✓ Vai trò của nhà nước

Nhà nước tránh sử dụng chính sách công nghiệp để ủng hộ những ngành cụ thể

✓ Hợp tác giữa những đối tác xã hội

Phát triển hạn chế

✓ Các tổ chức lao động

Các công đoàn nhỏ và yếu ớt, số thành viên công đoàn đang giảm mạnh; dựa trên sự tham gia tự nguyện và vận động hành lang

✓ Quyền của cổ đông

Sở hữu công ty được phân tán rộng rãi, rất nhiều cá nhân riêng lẻ nắm giữ cổ phiếu và việc chi trả cổ tức cá nhân được ưu tiên khi công ty phá sản

✓ Tầm ảnh hưởng của người lao động đến quyết định của doanh nghiệp

Hạn chế, hầu như người lao động không tham gia vào hoạt động của công ty

Một số tiêu chí về cách thức tổ chức nền kinh tế

✓ Vai trò của thị trường chứng khoán

Có vai trò rất lớn và quan trọng việc cung cấp vốn và giám sát hoạt động của công ty

✓ Vai trò của các ngân hàng

Các ngân hàng có vai trò hạn chế trong việc sở hữu và kiểm soát công ty

✓ Nhà nước phúc lợi

Chỉ tiêu an sinh xã hội ở mức trung bình kém, đang thực hiện chính sách tư nhân hóa các cơ sở phúc lợi

ƯU ĐIỂM

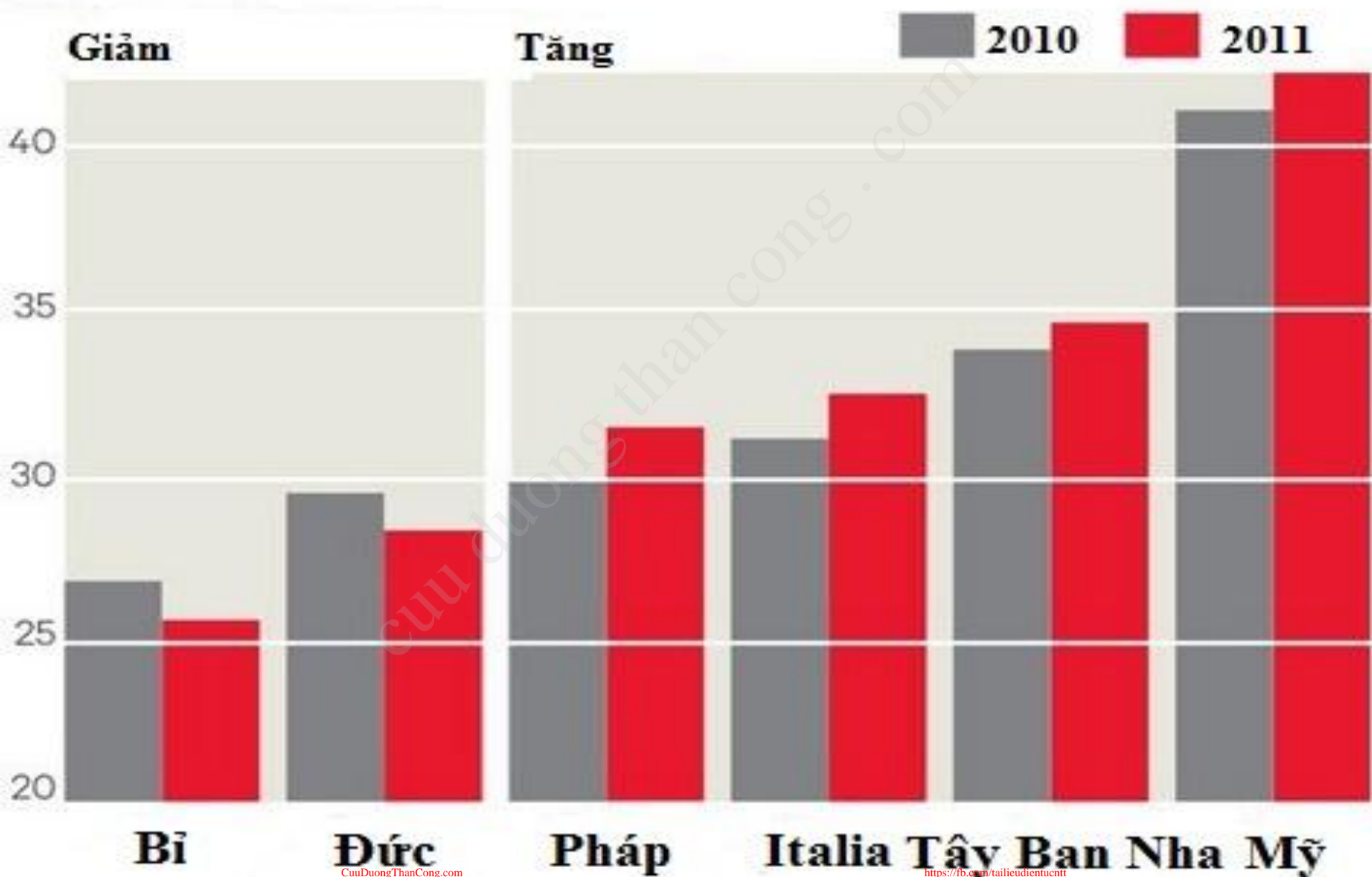
- ☞ tăng tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp
- ☞ thị trường lao động có tính linh hoạt cao.
- ☞ đề cao vai trò cá nhân
- ☞ cơ chế thị trường điều tiết mềm dẻo, linh hoạt hơn sự điều chỉnh nhà nước, có khả năng thích ứng cao trong điều kiện kinh tế thay đổi nhanh chóng.

NHƯỢC ĐIỂM

- Tình trạng bất bình đẳng về thu nhập và sự thiếu hụt công cụ ngăn chặn tình trạng tăng nhanh sự bất bình đẳng.
- Thất bại trong việc duy trì những hình thái gắn kết xã hội có khả năng thỏa mãn nhu cầu căn bản của dân chúng về an ninh và ổn định.
- Sự nói lỏng kiểm soát thị trường tài chính gây nên sự bất ổn kinh tế vĩ mô dẫn đến khủng hoảng tài chính.
- Bên cạnh đó, nền kinh tế thị trường tự do cũng đã từng thất bại tại một số nước Mỹ La tinh.

Bất bình đẳng thu nhập tại các nước phát triển

(Bình đẳng tuyệt đối là 0 điểm, bất bình đẳng tuyệt đối là 100 điểm)



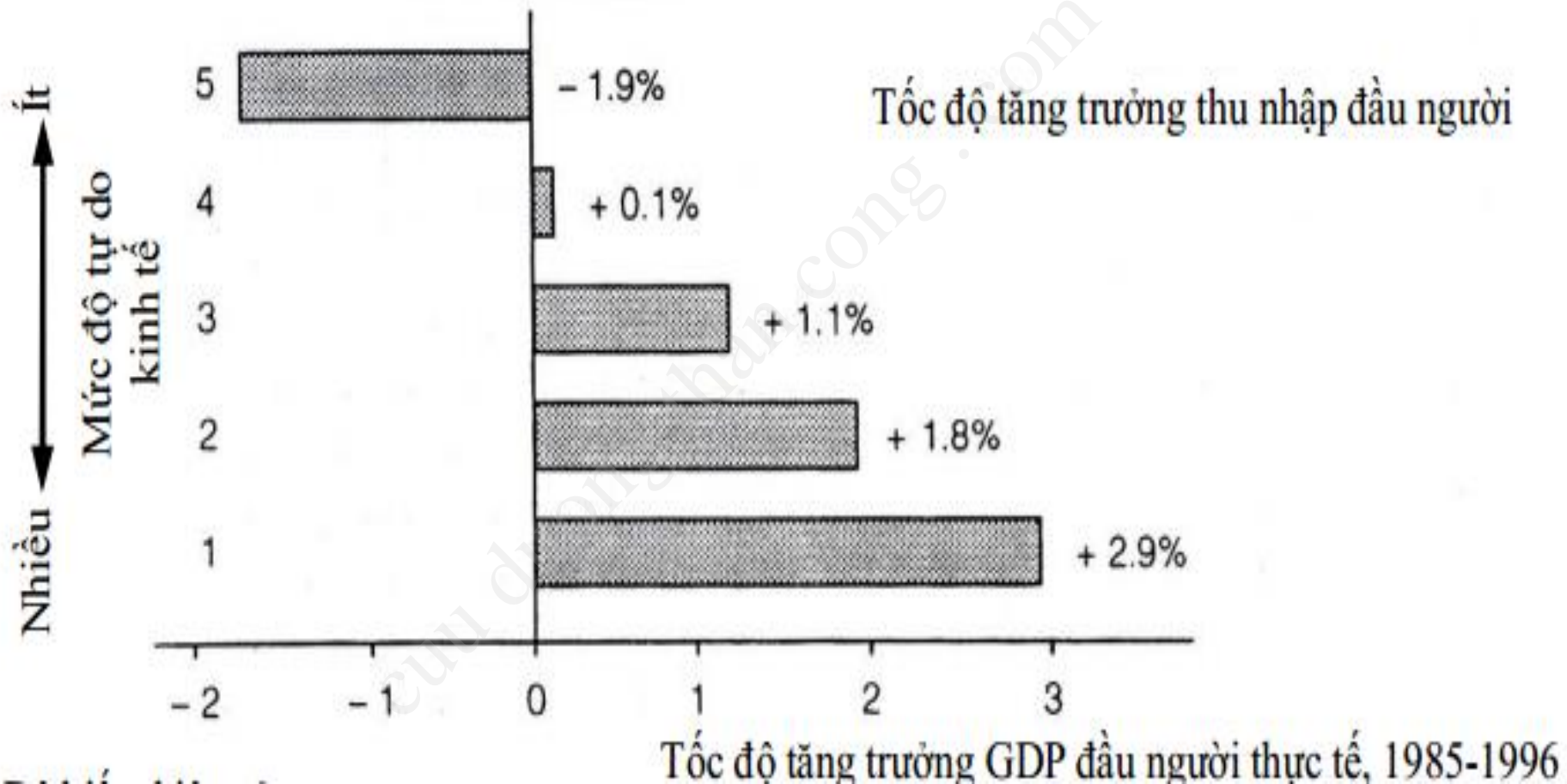


cuu duong than cong . com

Phát triển thị
trường tự do
giúp thúc đẩy
tăng trưởng
kinh tế.



Độ biến thiên của các quyền tự do kinh tế



Nguồn: Sách “Kinh tế học thể chế, Trật tự xã hội và chính sách công” - tác giả Wolfgang Kasper, Manfred E. Streit

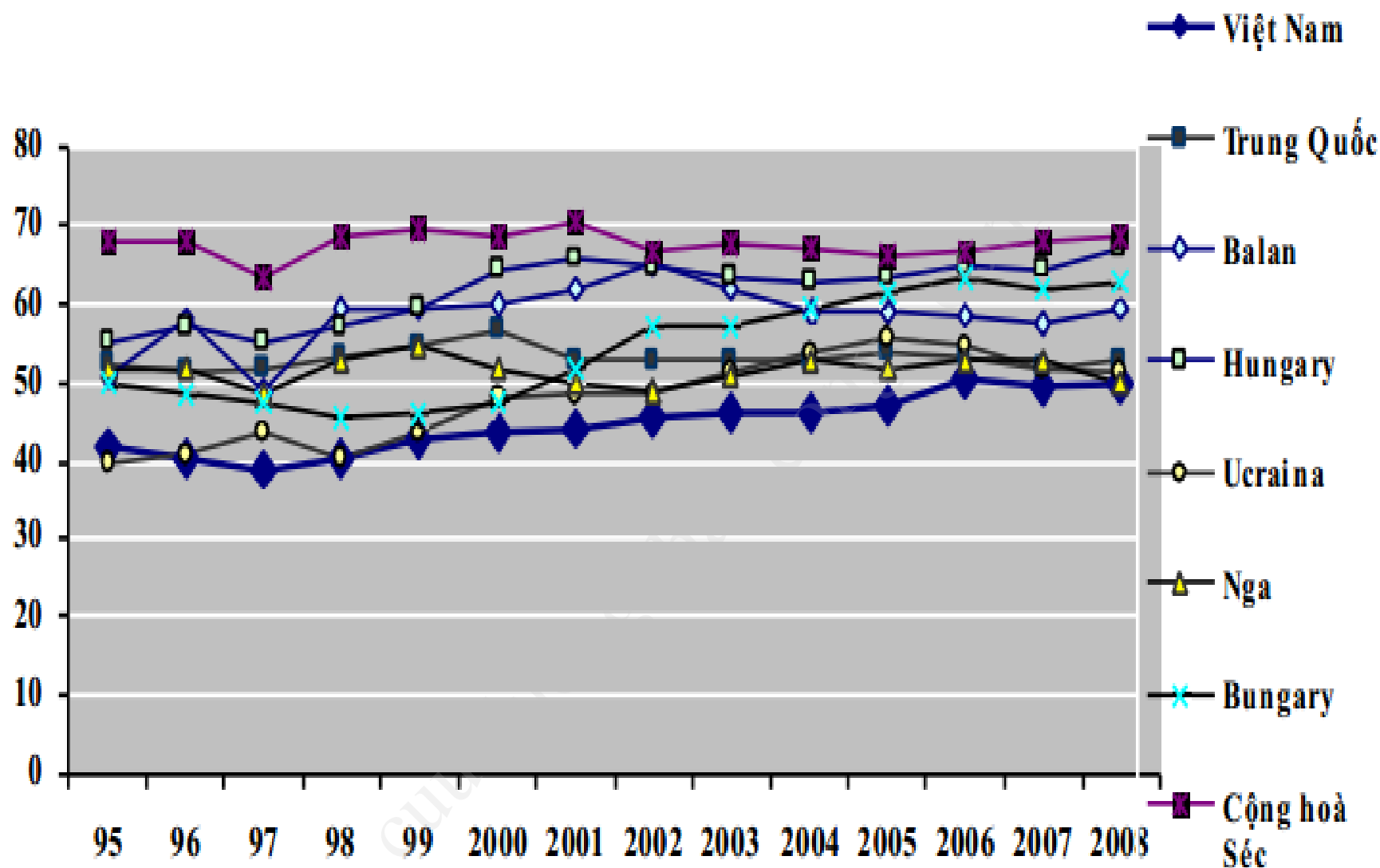
Phát triển kinh tế
thị trường tự do
như thế nào, cải
cách thể chế ra
sao ?????



Bảng 1. Chỉ số tự do kinh tế các nước khu vực Châu Á - Thái Bình Dương năm 2008

Xếp hạng tự do KT (Thế giới)	Quốc gia	Tự do Kinh tế	Tự do kinh doanh	Tự do thương mại	Tự do tài khoá	Quy mô Chính phủ	Tự do tiền tệ	Tự do đầu tư	Tự do tài chính	Quyền sở hữu	Chỉ số không tham những	Tự do Lao động
1	Hồng Kông	90.25	88.18	95.0	92.8	93.07	87.21	90	90	90	83	93.3
2	Singapo	87.38	97.79	90.0	90.3	93.87	88.86	80	50	90	94	99
4	Úc	82.00	89.32	83.8	59.2	62.83	83.68	80	90	90	87	94.2
6	New Zealand	80.25	99.9	80.8	60.5	55.99	83.67	70	80	90	96	85.5
17	Nhật	72.47	88.07	80.0	70.3	56.22	94.26	60	50	70	76	79.8
25	Đài Loan	71.03	70.73	86.7	75.9	87.76	83.34	70	50	70	59	56.9
41	Hàn Quốc	67.88	83.99	66.4	71.1	77.31	80.05	70	60	70	51	49
51	Malaysia	64.54	68.96	76.2	82.2	80.8	78.58	40	40	50	50	78.7
54	Thái Lan	63.49	72.07	75.2	74.7	90.71	66.7	30	50	50	36	89.6
62	Mông Cổ	62.78	71.07	81.4	85.0	71.73	78.21	60	60	30	28	62.4
92	Philippines	56.86	53.04	78.8	75.8	90.17	73.83	30	50	30	25	61.9
100	Campuchia	56.18	42.97	52.2	91.4	94.2	80.9	50	50	30	21	49.1
115	Ấn Độ	54.21	49.99	51.0	75.7	73.54	70.25	40	30	50	33	68.6
119	Indonêxia	53.87	48.78	73.0	77.5	89.73	68.22	30	40	30	24	57.5
126	Trung Quốc	52.83	50.03	70.2	66.4	89.73	76.53	30	30	20	33	62.4
135	Việt Nam	49.8	60.02	62.8	74.3	77.97	67.42	30	30	10	26	59.5
137	Lào	49.21	60.76	57.0	71.0	92.13	72.98	30	20	10	26	52.3

Nguồn: Chỉ số tự do kinh tế năm 2008, The Wall Street Journal & The Heritage Foundation.



Biểu đồ 2. Sự mở rộng tự do kinh tế ở một số nước chuyển đổi giai đoạn từ 1993 - 2008 (tỷ lệ %).

Nguồn: Chỉ số tự do kinh tế năm 2008, www.cia.gov và TCTK Việt Nam

Đặc điểm của mô hình thể chế kinh tế thị trường xã hội

- Mô hình kinh tế thị trường xã hội là một dạng biến thể của mô hình kinh tế thị trường tự do. Nó có nội dung thực chất là sự gắn kết trên cơ sở thị trường một cách hợp lý giữa các mặt kinh tế - xã hội và chính trị.
- Coi các thị trường chỉ là điều kiện cần chứ không phải là điều kiện đủ và coi vai trò của các thể chế như luật pháp, nhà nước, đạo đức,... không hề kém quan trọng hơn so với các chính sách kinh tế, tài chính.
- Coi trọng vai trò điều tiết của nhà nước và phúc lợi xã hội.

Nhà Nước phúc lợi

- Nhà nước phúc lợi là một mô hình chính phủ, theo đó nhà nước đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo nên và bảo vệ công ăn việc làm và đảm bảo một nền an sinh xã hội cao cho công dân của mình.
- Nhà nước phúc lợi hướng tới thiết lập và củng cố các tiêu chuẩn quốc gia về các quyền lợi xã hội. Các quyền lợi đó được thực hiện thông qua hàng loạt chương trình khác nhau, nhưng chủ yếu thông qua an sinh xã hội.

Vai trò

4

- Nâng cao sự phồn thịnh

Các lý thuyết về mô hình NNPL

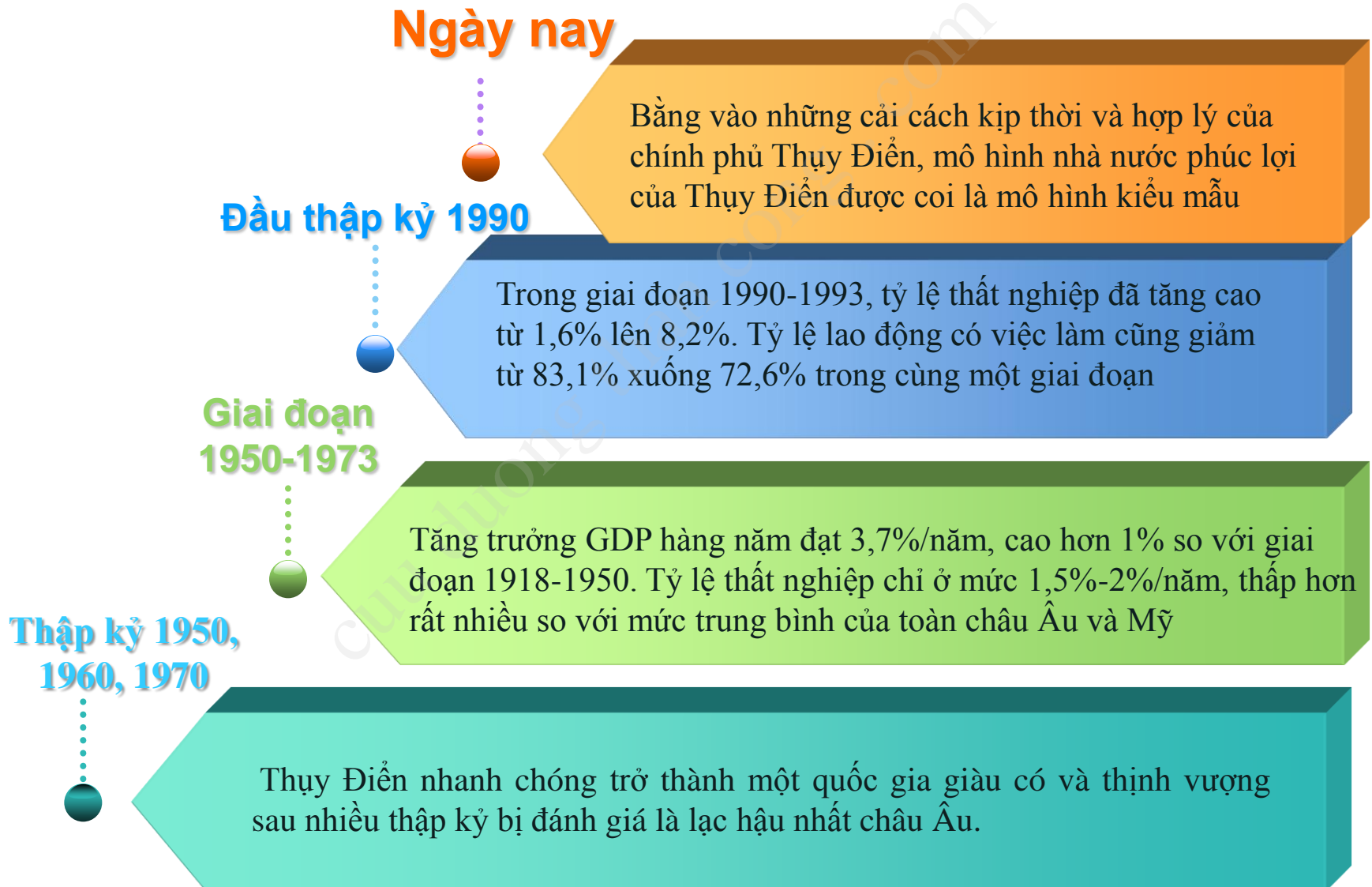
cuu duong than cong . com

: <http://planetearthherald.com/top-10-environmental-issues/>

Giới thiệu về Thụy Điển và xây dựng nhà nước phúc lợi Thụy Điển



Quá trình xây dựng nhà nước phúc lợi Thụy Điển



Đặc điểm của nhà nước phúc lợi Thụy Điển

- Mô hình Thụy Điển là một sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa cấu trúc kinh tế, thể chế chính trị và hệ thống phúc lợi xã hội.
- Cấu trúc kinh tế của Thụy Điển mang tính chất là kinh tế thị trường hỗn hợp.
- Thể chế chính trị của Thụy Điển là một hệ thống đa đảng
- Hệ thống phúc lợi xã hội của Thụy Điển luôn đi theo phương châm “công bằng và hiệu quả, đảm bảo quyền lợi cho mọi người”.

Các loại PLXH

Hệ thống giáo dục miễn phí, chăm sóc sức khỏe



Hệ thống việc làm, BHXH, BH thất nghiệp



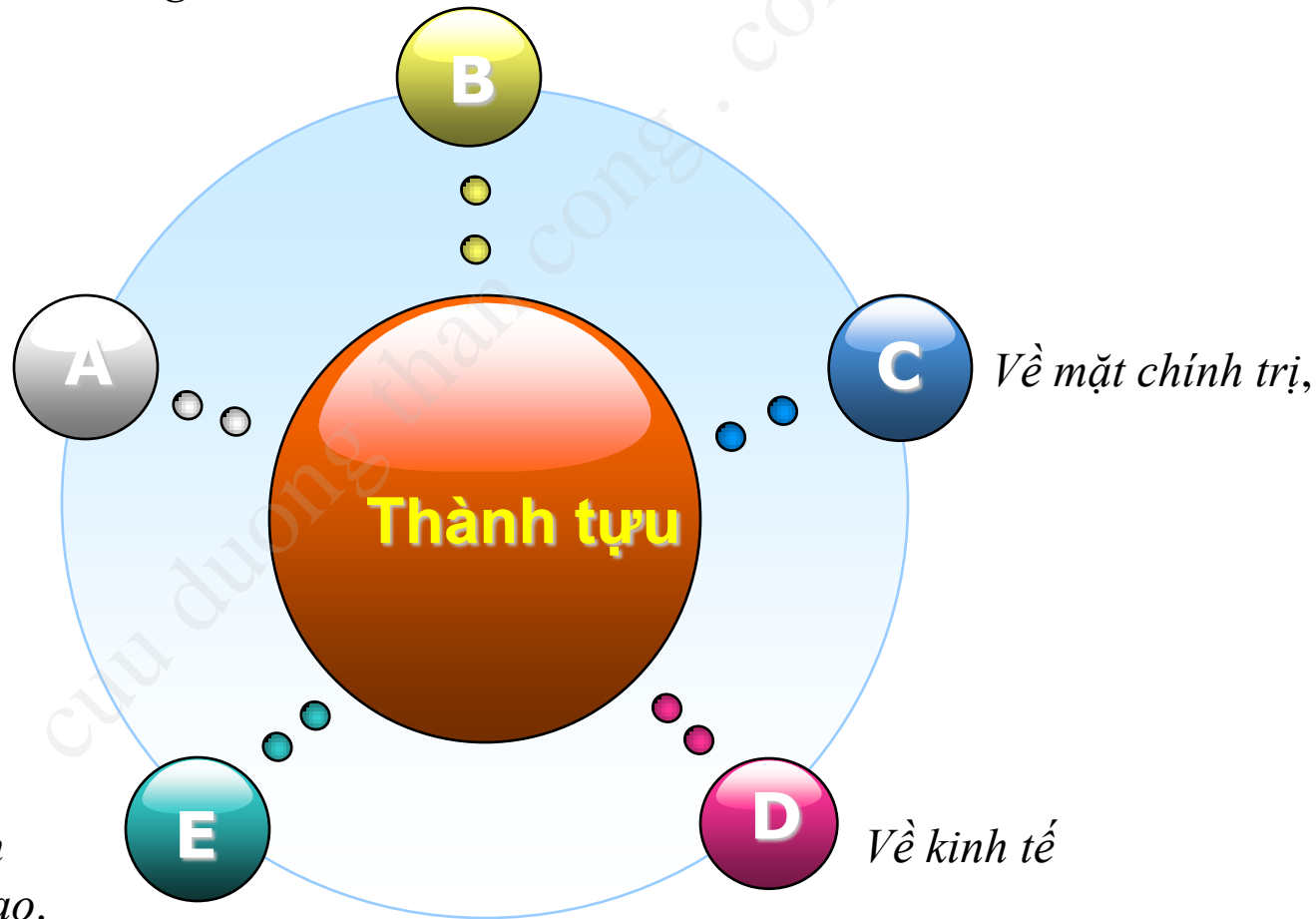
2.4 Đánh giá

2.4.1 Thành tựu

Mô hình Thụy Điển là một mô hình phát triển công bằng, bình đẳng và ít tham nhũng.

Mô hình Thụy Điển đem lại chế độ chính trị thành công nhất

Là nước có sự bình đẳng nam nữ rất cao.



Thách thức

Tăng trưởng thấp, thu nhập bình quân tăng chậm, không đảm bảo cân đối nguồn thu ngân sách dành cho quỹ phúc lợi xã hội. Vào năm 2007, tổng doanh thu từ thuế của Chính phủ Thụy Điển là 40 tỷ SEK, năm 2008 giảm còn 10 tỷ SEK, năm 2009 giảm còn 15 tỷ SEK và năm 2010 giảm còn 10 tỷ SEK. Trong khi đó, thất nghiệp và những chi tiêu ASXH cho người già, người ốm tiếp tục tăng cao và tạo áp lực rất lớn cho hệ thống ASXH

	2006	2007	2008	2009	2010	2011
Tăng trưởng GDP(%)	4,5	2,7	-0.5	-4,4	2,3	4,0
Thất nghiệp (%)	7,1	6,1	6,2	8,3	9,7	7,5
Ngân sách chính phủ (%)	2,2	3,4	3,1	-1,6	-3,0	-

Nguồn: Nordic Council of Ministers (2011), Global Pressure - Nordic Solutions, Nordic Outlook 2012 - Danske Bank

Sự thay đổi cơ cấu dân số theo độ tuổi đặt ra gánh nặng cho hệ thống an sinh xã hội. Dự báo chi tiêu công lương hưu của Thụy Điển sẽ tăng mạnh

Dự báo tỷ lệ người trên 65 tuổi ở một số nước châu Âu đến năm 2050 (Đơn vị tính: %)

	2020	2030	2040	2050
Thụy Điển	37,6	42,7	46,7	46,1

Nguồn: Đinh Công Tuấn(Chủ biên) (2008), *Hệ thống an sinh xã hội của EU và bài học cho Việt Nam*, NXB.Khoa học Xã hội, Hà Nội

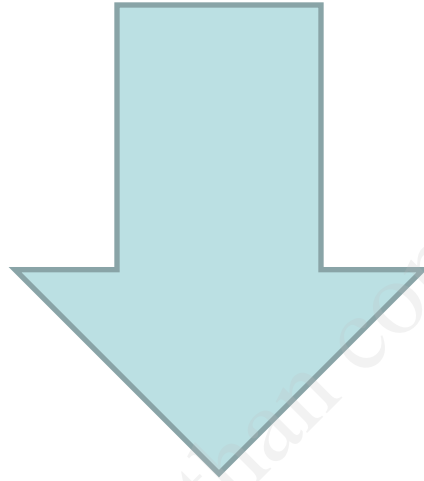
Dự báo chi tiêu hưu trí công cộng ở một số nước châu Âu (Đơn vị tính: %GDP)

	2020	2030	2040	2050
Thụy Điển	13,9	15,0	14,9	14,5

Nguồn: Bonoli,

G.(2000).

chi phí phúc lợi cao gây ra sức ì xã hội, sụt giảm năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế.



Mặc dù cũng có những vấn đề tồn tại trên con đường phát triển nhưng thể chế chính trị Thụy Điển hiện đang được đánh giá là thể chế kiểu mẫu trên thế giới

Mô hình thể chế kinh tế của nhà nước phát triển

- Chức năng chủ yếu của nhà nước trong mô hình này là thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế dài hạn.
- Nhà nước không chỉ quan tâm đến luật chơi của nền kinh tế thị trường mà còn đi sâu hướng dẫn, chỉ đạo, điều tiết cả phương hướng, nội dung của hoạt động kinh tế nhằm thực hiện chức năng phát triển của nhà nước.
- Cơ sở lý thuyết về chức năng phát triển của nhà nước là những phân tích "lợi thế so sánh động" của một nền kinh tế dựa vào tri thức.
- Khu vực doanh nghiệp nhà nước luôn chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế của các nước phát triển nền kinh tế theo mô hình này.

Đặc điểm của mô hình Nhà nước phát triển

- Các nước theo mô hình này chú trọng nhiều tới “kế hoạch hóa”.
- Cơ quan hành pháp giữ vai trò quyết định trong việc hoạch định chính sách kinh tế.
- Các cơ quan nhà nước thường có mối liên kết rất chặt chẽ với tư nhân.
- Nhà nước bám sát khu vực tư nhân để vạch ra các chiến lược phát triển, trợ giúp và tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho kinh doanh, còn tư nhân thì hợp tác và tuân theo sự hướng dẫn của chính phủ, được chính phủ bảo vệ trước sự cạnh tranh từ bên ngoài.
- Việc thành lập các tập đoàn kinh doanh lớn, ít phụ thuộc vào thị trường chứng khoán.

Vai trò của nhà nước trong mô hình thể chế kinh tế Nhà nước Phát triển

- Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế dài hạn.
- Nhà nước không chỉ quan tâm đến luật chơi mà còn can thiệp mạnh mẽ vào nội dung của hoạt động kinh tế thông qua các chính sách.
- Nhà nước có *chức năng phát triển* dựa trên nền tảng lý thuyết là những phân tích xung quanh “lợi thế so sánh” của một nền kinh tế.

Nhược điểm.

- Số cổ phiếu của một công ty do các công ty khác nắm giữ ngày một tăng, trong khi cổ phiếu do tư nhân nắm giữ có xu hướng giảm.
- Hệ thống ngân hàng giữ vai trò rất quan trọng, trong khi hệ thống thị trường cổ phiếu và trái phiếu vẫn còn tương đối nhỏ bé và chưa phát triển.
- Thị trường lao động kém linh hoạt. Chủ doanh nghiệp phải đương đầu với những thủ tục pháp lý khó khăn và tốn kém khi sa thải người lao động. Hơn cả hiệu suất công việc, lòng trung thành luôn được coi là tiêu chuẩn hàng đầu để đánh giá nhân viên.

Chính sách công nghiệp của Nhật Bản



❖ Giai đoạn thứ 1 (1945-1960)

- Chính sách công nghiệp nhằm hình thành nền tảng công nghiệp của đất nước thông qua hợp lý hoá công nghiệp
- Kế hoạch sản xuất ưu tiên: Chính phủ thực hiện hỗ trợ về tài chính trong qua thành lập ngân hàng, ưu tiên phát triển ngành than, thép
- Kể từ giữa những năm 1950, Chính phủ không trợ cấp hoặc bao cấp nữa mà chỉ can thiệp gián tiếp.

❖ Giai đoạn thứ 2 (1960-1973)

- Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp phù hợp với tự do hoá thương mại và tự do hoá vốn.
- Bộ Công nghiệp và thương mại quốc tế(MITI) khuyến nghị sáp nhập các hang lớn trong một ngành để tạo ra lợi thế cạnh tranh nhờ quy mô lớn.

❖ Giai đoạn thứ 3 (từ 1974 trở đi)

- Chính sách công nghiệp trong thời kỳ tái cơ cấu công nghiệp.
- Trọng tâm là chuyển từ “phát triển chiều rộng” sang “phát triển chiều sâu”, ưu tiên phát triển những ngành có hàm lượng trí tuệ cao, tiêu tốn ít nguyên nhiên liệu lao động

=> Các nhà kinh tế học phương Tây vẫn chỉ ra những hệ quả xấu sau:

- ✓ Phụ thuộc vào quyết định của siêu bộ MITI làm cơ chế thị trường bị bóp méo và động lực khuyến khích cạnh tranh bị giảm sút.
- ✓ Phần lớn những khoản trợ cấp thông qua ưu đãi thuế, tín dụng bao cấp, bảo hộ thương mại đã không tới được những ngành có tốc độ tăng trưởng cao mà trái lại thường rơi vào những ngành kém phát triển.
- ✓ Chính phủ phải bao cấp trực tiếp dẫn đến xuất khẩu tăng trong khi nhập khẩu giảm => cán cân thương mại thặng dư.
- ✓ CS công nghiệp có xu hướng dẫn tới những hành vi kiếm lợi bất chính, tham nhũng và độc tài.

- Nghiên cứu quá trình phát triển đến trình độ cao cùng với sự vận động thể chế ở các nước tư bản phát triển có những đóng góp to lớn cho nhận thức con người về sự phát triển thế giới.
- Các nước đang phát triển cũng có thể học hỏi từ sự đa dạng về thể chế của các nước tư bản phát triển không ít điều có giá trị về xây dựng thể chế, đặc biệt là thể chế kinh tế, cho phù hợp với những đặc điểm của mình.
- Mỗi quốc gia cần khiêm tốn và chăm chú học tập kinh nghiệm của các nước khác trên thế giới, song không thể rập khuôn máy móc theo bất cứ mô hình ngoại lai nào mà phải chủ động, linh hoạt quyết định và thực hiện thể chế của chính mình, phù hợp hoàn cảnh đất nước, hợp với truyền thống lịch sử và bản sắc dân tộc mình, hợp xu thế thời đại, chỉ có thế mới thành công.